Ngôn ngữ thơ tượng trưng Bích Khê

Nguyễn Thị Mỹ Hiền[1]

[1] Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: myhien0811@gmail.com

Nhận ngày 16 tháng 6 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 9 tháng 10 năm 2020.

Tóm tắt: Bích Khê (1916-1946) là nhà thơ tiêu biểu trong phong trào thơ Mới (1932-1945) với khuynh hướng tượng trưng. Một trong những phương thức, sự hấp dẫn góp phần tạo nên một hồn thơ tượng trưng đặc sắc là: Bích Khê đã chú trọng trong việc khai thác khía cạnh ngôn ngữ đậm chất tượng trưng. Hai tập thơ *Tinh huyết* và *Tinh hoa* của Bích Khê đã cho thấy đặc trưng tiêu biểu trong cách vận dụng ngôn ngữ độc đáo trong thơ tượng trưng Bích Khê, đó là: sự kết hợp thanh điệu, vần điệu, nhịp điệu; phép ẩn dụ; ngôn ngữ ngẫu nhiên, phi tuyến tính (vô thức, trực giác).

Từ khóa: Bích Khê, thơ Mới, thơ tượng trưng, ngôn ngữ thơ.

Phân loại ngành: Văn học

Abstract: Bich Khe (1916-1946) was a typical symbolist poet in the New Poetry movement (1932-1945). His poetic value was partly attributed to his focus on exploiting a highly symbolic language. Bich Khe's two collections, *Tinh huyết* and *Tinh hoa*, feature the unique application of symbolic language. They include the combination of tones, rhymes and rhythms; metaphors; random and nonlinear language (unconsciousness and intuition).

Keywords: Bich Khe, New Poetry, poetry of symbolism, language of poetry.

Subject classification: Literature

1. Đặt vấn đề

Ở Việt Nam giai đoạn đầu thế kỉ XX, sự tiếp xúc, giao thoa giữa văn hóa Việt Nam với văn hóa phương Tây, đặc biệt là văn hoá Pháp đã diễn ra mạnh mẽ. Đây cũng là thời kỳ nhiều nhà văn, nhà thơ chịu ảnh hưởng của nền văn học Pháp, và Bích Khê cũng không phải là trường hợp ngoại lệ. Ông tiếp nhận lối sáng tác của Baudelaire về quan điểm thẩm mỹ, về việc xây dựng hình tượng và về cách sử dụng ngôn từ;

đồng thời, chịu ảnh hưởng lối tư duy của Hàn Mặc Tử và Chế Lan Viên, Xuân Diệu. sự kết hợp ấy đã tạo nên nét riêng trong phong cách thơ Bích Khê. Phạm Thị Như Thuý cho rằng: "Khi các nhà thơ của phong trào thơ Mới Việt Nam (1932-1945) còn chưa hết say đắm với chủ nghĩa lãng mạn thì chủ nghĩa tượng trưng phương Tây đã gần đi hết con đường của nó. Tuy nhiên, do nhận thức nhạy bén với những trào lưu hiện đại của nghệ thuật phương Tây, Bích Khê đã nhanh chóng tiếp cận và học hỏi được rất nhiều ở chủ nghĩa tượng trưng, trong khi vẫn còn một chân đứng trên chủ nghĩa lãng mạn" [17]. Ngôn ngữ thơ tượng trưng chủ yếu hướng tới khơi gợi sự bí ẩn kỳ diệu nên việc giải mã các hình ảnh và biểu tượng thường là mục đích nghiên cứu thơ tượng trưng. Để diễn tả được những bí mật thầm kín, kỳ lạ của đời sống tâm linh con người, thơ tượng trưng phải tìm đến một thứ ngôn ngữ "phi thường" mang ý nghĩa đặc biệt, kỳ ảo. Do đó, ngôn ngữ thơ tượng trưng phần nào mất đi ý nghĩa thông thường, trở thành phương tiện thôi miên, khơi dậy những cảm giác mơ hồ không xác định, làm thơ trở nên bí hiểm, mang tính hình thức và duy mỹ. Bên cạnh nhóm Xuân Thu với một tuyên ngôn nghệ thuật và những bài thơ giàu chất tượng trưng, như: *Buồn xưa* (Nguyễn Xuân Sanh), *Màu thời gian* (Đoàn Phú Tứ), Bích Khê dù thuộc dòng thơ lãng mạn nhưng đã có xu hướng vươn tới lĩnh vực thơ ca tượng trưng với một thế giới nghệ thuật độc đáo mà Chế Lan Viên đã gọi là "một đỉnh núi lạ" trong lịch sử thơ Mới.

Có thể nhận thấy, thế giới nghệ thuật trong thơ Bích Khê là một chỉnh thể cấu trúc thế giới mang tính tượng trưng cao. Bởi lẽ, ta gặp trong đó một cõi đời đầy mộng ảo xa lạ với cuộc sống hàng ngày, nơi tồn tại phiêu diêu của phần tâm linh bí ẩn, là một cõi trời huyền bí của thế giới cái đẹp, thế giới thơ ca, trong sự hoà điệu nhịp nhàng tương ứng của mọi màu sắc, hương thơm với những âm thanh và biểu tượng kỳ lạ. Chính vì lẽ đó, ông luôn nỗ lực không ngừng trong sự nghiệp cách tân thơ, luôn khát khao trăn trở trong việc xây dựng một thứ ngôn ngữ thật đẹp trong thơ, luôn bộc lộ cái tôi cá nhân ở sự thăng hoa, phóng túng; luôn tìm mọi cách để đưa thơ đến với thế giới huyền diệu, bí ẩn và đặc biệt là khát khao ngụp lặn trong cảm giác nồng say trên một vùng đất mới. Nhưng, để có một ngôn ngữ thật đẹp "lóng lánh hạt châu trong" thì phải có bút pháp, ngôn ngữ lạ và sự điêu luyện. Chính vì vậy, nghiên cứu về thơ tượng trưng Bích Khê, chúng ta không thể không đề cập đến ngôn ngữ thơ (một yếu tố quan trọng để nhận diện ra Bích Khê giữa bầu trời thi ca Việt Nam). Thụy Khuê cho rằng: "Không nên đọc thơ Bích Khê như thơ cổ điển hoặc thơ mới, vì Bích Khê không làm thơ theo logique truyền thống, nghĩa là thơ có mạch lạc có nghĩa. Nên đọc thơ ông như xem tranh: khi ấn tượng, khi lập thể, khi siêu thực, khi trừu tượng... và cuộc triển lãm này có nhạc đệm" [19]. Bài viết bàn về ngôn ngữ thơ tượng trưng Bích Khê trên các khia cạnh: thanh điệu, vần điệu, nhịp điệu; phép ẩn dụ; và ngôn ngữ mang tính ngẫu nhiên, vô thức, trực giác.

2. Sự kết hợp thanh điệu, vần điệu, nhịp điệu

Sức sống mãnh liệt của ngôn ngữ thơ Bích Khê chính là ở chỗ thi nhân biết kết hợp

giữa thanh điệu, vần điệu, nhịp điệu để tạo thành một thứ ngôn ngữ độc đáo, mới lạ, mang đậm màu sắc tượng trưng. Trước hết, đó là việc tạo nên thanh điệu, nhịp điệu trong những bài thơ, câu thơ toàn thanh bằng (thanh ngang và thanh huyền). Hiện tượng câu thơ toàn thanh bằng đã xuất hiện trong sáng tác của Tản Đà: "Giang hồ mê chơi quên quê hương" (*Thăm mả cũ bên đường*); của Xuân Diệu: "Sương nương theo trăng ngừng lưng trời/ Tương tư nâng lòng lên chơi vơi" (*Nhị hồ*); của Nguyễn Xuân Sanh: "Tay sương lam mờ đường buông tơ/ Nghe sương lam mờ đường giăng tơ/ Đêm rải men tràn nơi lối dẻo/ Hàng dương say đường thôi ngâm thơ" (*Xây mơ*). Tuy nhiên, có lẽ chỉ đến Bích Khê người ta mới thấy rõ ý thức cách tân thơ ca thông qua những bài thơ, câu thơ toàn thanh bằng. Bích Khê chủ động đến lối thơ này và tạo cho mình một bước đột phá trong việc sáng tạo những bài toàn thanh bằng hiếm có trong lịch sử thơ ca. Trong tập *Tinh huyết*, Bích Khê có hai bài thơ toàn thanh bằng: *Hoàng hoa*, *Tỳ bà*. Bài *Nghê thường* cũng có nhiều câu thơ như thế, chưa kể những câu thơ toàn thanh bằng xuất hiện rải rác trong cả tập thơ [18]. Bản chất của lối thơ này đã phá vỡ âm luật thơ truyền thống, câu thơ toàn thanh bằng của Bích Khê tạo nên một thứ nhạc điệu nhịp nhàng, du dương và ngập tràn cảm xúc: "Nàng ơi! Tay đêm đang giăng mềm/ Trăng đan qua cành muôn tay êm/ Mây nhung pha màu thu trên trời/ Sương lam phơi màu thu muôn nơi/…/ Buồn lưu cây đào tìm hơi xuân/ Buồn sang cây tùng thăm đông quân/ Ô hay! Buồn vương cây ngô đồng/ Vàng rơi! Vàng rơi: Thu mênh mông" (*Tỳ bà*); "Lam nhung ô! màu lưng chừng trời/ Xanh nhung ô! Màu phơi nơi nơi/ Vàng phai nằm im ôm non gầy/ Chim yên neo mình nương xương cây (*Hoàng Hoa*).

Bài thơ *Nhạc* của Bích Khê cho thấy, nhà thơ đã kết hợp và hoà trộn giữa thanh điệu, nhịp điệu, vần điệu để tạo nên một thế giới huyền diệu, mơ hồ, khó nắm bắt: "Ô! nắng vàng thơm... rung rinh điệu ngọc/ Những cánh hồng đơm, - những cánh hồng đơm/ Nhẹ nhàng, nhịp nhàng thở đều trong sương/ Màu trăng không gian như gờn gợn sóng/ Từ ở phương mô nhạn mang thơ về/ Đàn thơ cơ hồ lên cung âm điệu/ Đây giây trinh bạch khóc mướt trong mơ/ Đây hồn ngọc thạch xanh sao như tờ/ Ồ! côi lầu mây ánh gì kim cương/ Áo nàng thơ ngây nao nao nghê thường/ Thơ bay! Thơ bay vô bàn tay ngà/ Thơ ngà ngà say! Thơ ngà ngà say!/ Nàng ơi! Đừng động... có nhạc trong giây/ Nhạc gây hoa mộng, nhạc ngát trong mây/ Nhạc lên cung hường, nhạc vô đào động/ Ô nàng tiên nương! - Hớp nhạc đầy hương". Vẫn là âm hưởng của lối thơ toàn thanh bằng điểm xuyết những thanh trắc: "Màu trăng không gian như gờn gợn sóng; Đàn thơ cơ hồ lên cung âm điệu; Thơ bay! Thơ bay vô bàn tay ngà/ Thơ ngà ngà say! Thơ ngà ngà say!". Trong các câu thơ trên chỉ có 2 thanh trắc (*gợn, điệu*) trong âm hưởng chủ đạo toàn thanh bằng để đưa người đọc vào thế giới của huyền diệu, du dương, chơi vơi... Bích Khê đã tạo ra nhịp điệu mới trong thơ 8 chữ. Đây là thể thơ các nhà thơ Mới thường sử dụng (đặc biệt là Anh Thơ). Nhưng hầu hết họ ngắt nhịp ở chữ thứ 3, 5, 6; rải rác mới có câu ngắt nhịp ở chữ thứ tư: "Ngoài đường đê/ cỏ non tràn biếc cỏ; Đàn sáo đen/ sà xuống mổ vu vơ; Mấy cánh bướm/ rập rờn/ trôi trước gió;

Những trâu bò/ thong thả/ cúi ăn mưa (*Chiều xuân* - Anh Thơ). Hay ta cũng có thể bắt gặp cách ngắt nhịp này trong thơ Chế Lan Viên: "Ta không muốn/ đợi ngày/ hơi thở tắt; Cánh thời gian/ bay chậm quá/ người đi" (*Máu xương* - Chế Lan Viên). Nhưng Bích Khê lại tạo nên sự khác biệt bằng cách ngắt nhịp ở chữ thứ 4, làm cho câu thơ như bị tách ra làm hai, tạo nên lối thơ song phân riêng biệt: "Ôi nắng vàng thơm/ rung rinh điệu ngọc; Những cánh hồng đơm/ những cánh hồng đơm/ Nhẹ nhàng nhịp nhàng/ thở đều trong sương; Màu trắng không gian/ như gờn gợn sóng" (*Nhạc*). Lối ngắt nhịp này khiến người đọc có cảm giác đây là bài thơ tứ tuyệt, gieo vần gián cách từng đôi một. Theo Hàn Mặc Tử thì cách dừng hơi hạ vần ở chữ thứ 4 làm cho câu thơ của Bích Khê nửa như riêng, nửa như hòa thuận, phù hợp với tâm hồn thi nhân đang tìm kiếm đến sự kết hợp Đông - Tây, kim - cổ trên nền văn thơ nhân loại [18]. Có lẽ diễn đạt chính xác hơn thì đây là cách ngắt nhịp chứ không phải bỏ vần như thi sĩ họ Hàn nhận xét. Bích Khê làm thơ 8 chữ và ngắt câu thơ thành hai nhịp lớn ở chữ thứ tư, chia đôi câu thơ, đoạn nghỉ dài hơn. Tổng mỗi nhịp lớn lại chia thành nhịp nhỏ nên nhịp thơ đều đặn thăng trầm như nhịp âm thanh xô động và đầy biến ảo. Trên cái nền của thanh điệu (nghiêng về thanh bằng), với nhịp thơ độc đáo (4/4), kết hợp với cách gieo vần chủ đạo là âm tiết vang (đơm, sương, sóng, thường, động, hương), Bích Khê đã kiến tạo nên một thế giới thơ tượng trưng đầy âm thanh và hương sắc. Thuỵ Khuê cho rằng: "... nhạc trong thơ Hàn là nhạc thầm trong mỗi chữ, nhạc trong thơ Bích Khê là nhạc nổi trong thanh âm lạ, âm bằng. Ở những bài thật hay, thơ Bích Khê là sự hoà âm giữa các điệu nhạc cổ, như điệu hoàng hoa, điệu mộng cầm, bằng những màu sắc tân kỳ của hội họa hiện đại" [21].

Ở một số sáng tác, Bích Khê cũng rất thành công khi sử dụng những câu thơ với toàn thanh bằng, hoặc thanh bằng là chủ đạo, kết hợp với điệp từ, điệp ngữ, tạo nên một thế giới thơ tượng trưng đầy xáo trộn: "Mưa hoa rụng, mưa hoa xuân rụng/ Mưa xuống lầu, mưa xuống thềm lan/ Mưa rơi ngoài nẻo dặm ngàn/ Nước non rả rích giăng đàn mưa xuân…/ Đầm mưa xuống, nẻo đồi mưa xuống/ Bóng dương tà rụng bóng tà dương/ Hoa xuân rơi với bóng dương/ Mưa trong ý khách mưa cùng nước non (*Tiếng đàn mưa*). Sự lặp lại điệp từ "mưa", điệp ngữ "mưa xuống" và mở rộng không gian từ "thềm lan" đến "nẻo đồi" rồi lan rộng ra non nước, khiến cho không gian thêm trầm uất não nề, tiếng đàn mưa thêm u sầu tĩnh mịch. Trong thơ Bích Khê, điệp từ "rơi" có một ý nghĩa vô cùng đặc biệt, ông đã "vẽ nên" một trong những mùa thu được đánh giá là đẹp nhất trong làng thơ Mới: "Ô! Hay buồn vương cây ngô đồng/ Vàng rơi! Vàng rơi: Thu mênh mông" (*Tỳ bà*). Ta cũng thấy điệp từ "rơi" xuất hiện trong bài *Thi vị*: Lá vàng rơi/ (Tôi khóc, anh ơi!)/ Đàn rung tiếng/ Người yêu đương ngồi…/ Trăng vàng rơi/ (Tôi khóc, anh ơi!)/ Đàn nghẹn tiếng/ Người yêu dậy rồi…/ Hoa vàng rơi/ (Tôi khóc, anh ơi!)/ Đàn rụng tiếng/ Người yêu đi rồi…/ Sao vàng rơi/ (Tôi khóc, anh ơi!)/ Đàn câm tiếng/ Người yêu xa rồi…/ Đêm vàng rơi/ (Thôi hết, anh ơi!)/ Đàn bẻ phím/ Người yêu chết rồi". Sự lặp lại của các vần "ơi", "ôi" tạo cùng với

các câu thơ toàn thanh bằng ("Trăng vàng rơi; Hoa vàng rơi, Đêm vàng rơi; Người yêu xa rồi") tạo nên tính nhạc cho bài thơ, sự tàn phai, mênh mang của mùa thu nhuốm lên toàn bài bởi lối điệp từ đặc sắc của Bích Khê. Cả không gian đều rung cảm một mối sầu ly biệt qua bản nhạc u sầu của mùa lá rụng: "lá vàng rơi, trăng vàng rơi, sao vàng rơi, đêm vàng rơi". Bích Khê đã hoà trộn nhịp điệu, thanh điệu, vần điệu để tạo ra nhạc điệu của riêng mình. Phải thừa nhận rằng: "Bích Khê rất thành công trong việc đổi mới theo hướng xáo trộn" [14, tr.134].

3. Phép tu từ ẩn dụ

Bằng cả lý thuyết lẫn thực tiễn sáng tác, các nhà thơ tượng trưng đã làm nên một cuộc cách mạng ngôn ngữ thơ. Họ trả lại cho ngôn ngữ thơ tính tự trị, thuần khiết và biến mỗi từ thành một thứ tượng trưng, ghi lại giây phút linh thiêng của sáng tạo, lưu trữ những rung động của chủ thể trữ tình nhằm đưa thơ ca đạt tới quyền lực siêu nhiên. Theo Thuỵ Khuê, Mallarmé xứng đáng là thần tượng của phái tượng trưng, ông đã thay đổi quan niệm thi ca, giải phóng ngôn từ. Mallarmé tìm kiếm những cấu trúc ngôn ngữ phức tạp, những hình thức bí ẩn, mơ hồ [12, tr.178]. Sự mơ hồ, bí ẩn cũng chính là đặc điểm làm cho thơ Bích Khê khó đọc, mỗi bài thơ là một bức tranh siêu thực như nhà thơ đã viết: "Chữ bí mật chứa ngầm bao chất nổ" (*Nàng bước tới* - Bích Khê). Đặng Thị Ngọc Phượng cho rằng: "Nghệ thuật ẩn dụ ở Bích Khê độc đáo. Nhà thơ nào cũng sử dụng ẩn dụ, nhưng ẩn dụ ở Bích Khê không lẫn được với ai khác trong làng thơ Mới. Điều này góp phần tạo nên phong cách thơ ông. Đi sâu vào thế giới nghệ thuật của Bích Khê, ta thấy nghệ thuật ẩn dụ thần kỳ hóa ngọn bút" [7, tr.579].

Phép ẩn dụ tạo nên sự bí mật để gây nên "sức nổ" dây chuyền của cái lạ lẫm, cái tiềm thức, cái vô thức qua những ấn tượng, những liên tưởng đột xuất, bất ngờ, xóa tan mọi khoảng cách, đem nhích lại gần nhau, chồng kề bên nhau giữa những cái vốn xa lạ, vô can… Những điều này khiến nhiều nhà nghiên cứu, phê bình thấy thơ Bích Khê khó hiểu, đôi khi chỉ có thể cảm được cái hay, cái đẹp mà không cắt nghĩa được. Hoài Thanh nhận xét: "Tôi đã đọc không biết mấy chục lần bài *Duy tân*. Tôi thấy trong đó những câu thật đẹp. Nhưng tôi không dám chắc bài thơ đã nói hết cùng tôi những nỗi niềm riêng của nó. Hình như vẫn còn gì nữa… Còn các bài khác hoặc chưa xem hoặc mới đọc có đôi ba lần. Mà thơ Bích Khê, đọc đôi ba lần thì cũng như chưa đọc" [15, tr.228]. Bích Khê đã đưa vào thơ những ẩn dụ rất độc đáo, chúng luôn luôn tạo ra sự bất ngờ như "chứa bao chất nổ", làm cho người tiếp nhận lúc nào cũng phải suy đoán: "Lệ tích lại sắp tuôn hàng đũa ngọc" (*Tranh loã thể*); "Những đôi mắt, kho tàng muôn châu báu/ Có những hàng đũa ngọc gắp hương yêu" (*Sắc đẹp*). Văn chương trung đại hay dùng từ "lệ ngọc", "lệ hoa" ("Nỗi mình thêm tức nỗi nhà/ Thềm hoa một bước lệ hoa mấy hàng" (*Truyện Kiều* - Nguyễn Du), Bích Khê lại không đi sự khuôn sáo đó, "hàng đũa ngọc" là hình ảnh ẩn dụ sáng tạo và độc đáo của Bích Khê. Hình ảnh trăng trong thơ Bích Khê cũng là một thể nghiệm mới lạ của thơ Mới:

"Lờ mờ đường lên mây/ Chén trăng vừa tầm với/ Chàng ơi, vàng ròng đây/ Kề môi say ân ái..." (*Ngũ hành sơn*), hình ảnh ẩn dụ "chén trăng" chuyển tải nhiều ngữ nghĩa: trăng màu vàng nên chén trăng cũng là chén vàng, chiếc chén lại hoá thành vàng ròng (biểu tượng cho sự cao quý), rồi lại thành chén rượu, chén "say ân ái", trăng có sự chuyển hoá thành người yêu, người yêu lại hoá vầng trăng, trăng trở thành biểu trưng cho cái đẹp, cho tình yêu.

Nhà thơ dùng rất nhiều hình ảnh ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: "mộng trắng phau phau, mộng rất xanh, không gian tan ra tiếng địch, mắt trào ra hưởng khoái lạc, mắt rất mát, trăng ôm niềm tóc bạc, hương trăng, đêm hường màu trăng không gian như gờn gợn sóng, hồn hé nhạc thắm như hoa, vườn thơm khua sắc mát, chân nhịp nhàng lòng nghe hương nằng nặng…". Qua hai tập thơ *Tinh huyết* và *Tinh hoa*, chúng tôi thống kê được: 50 lần chuyển đổi từ hình ảnh màu sắc thành âm thanh; 10 lần chuyển đổi từ âm thanh thành màu sắc; 8 lần chuyển, từ sắc màu, âm thanh thành hương vị; … Ẩn dụ bổ sung góp phần xây dựng một thế giới tương giao hoà điệu, thể hiện những mối liên hệ bí ẩn, siêu việt trong "vũ trụ tinh thần" [10], [11]. Ẩn dụ là đặc trưng của thơ ca nhưng trong thơ Bích Khê, ngôn ngữ ẩn dụ có nhiều sáng tạo, mới lạ, điều này góp phần tạo nên một hồn thơ tượng trưng độc đáo, tân kỳ so với chính những nhà thơ cùng thời với ông. Đỗ Lai Thuý cho rằng: "Thơ Bích Khê, với tư cách là "thơ ẩn dụ đã mạnh dạn sử dụng thủ pháp của phong cách này. Nhà thơ không chỉ tự giải phóng mình khỏi sự phụ thuộc vào các chuẩn logic của sự phát triển ngôn từ, mà, đôi khi còn đi vào con đường mâu thuẫn logic, ý đồ làm phi lý. Như vậy, Bích Khê đã vượt quá địa hạt lãng mạn sang lãnh địa tượng trưng và trở thành chủ soái của trường thơ này" [16, tr.178].

4. Ngôn ngữ ngẫu nhiên, phi tuyến tính (vô thức, trực giác)

Đề cập đến vấn đề ngôn ngữ thơ, thông thường người ta đề cập đến tính trật tự, logic của văn bản thơ. Nhưng với Bích Khê, cuộc cách tân thơ đã đưa ông đến một chân trời mới để thử nghiệm, đó là thứ ngôn ngữ phi tuyến tính: lộn xộn, đứt đoạn, không theo trật tự: "Đường kiến trúc nhịp nhàng theo điệu mới/ Của lời thơ lóng đẹp. Hạt châu trong/ Hạt châu trong ngời nhỏ giọt vô lòng/ Tràn âm hưởng như chiều thu sóng nắng/ Trong vòm xanh. Màu cưới màu, bình lặng/ Gây phương phi: chiếu sáng ngả sang mờ/ Vì hình dung những sắc mát, non, tơ/ Như mặt trời mọc qua khóm liễu, một/ Hoàng hôn. Ôi đàn môi, chim báu tới/ Chữ biến hình ảnh mới, lúc trong ngâm/ Chữ điêu khắc, tỉa nghệ thuật sầu câm/ Đầy thẩm mỹ như một pho thần tượng/ Lúc trong ngâm, giữa kho vàng mộng tưởng/ Múa song song khiêu vũ dưới đêm hồng/ (Những con cừu tim trẻ mướt như lông/ Nên da thịt lên làn sa lụa mỏng/ Mỗi con cừu bốc lên men hy vọng...)/ Thơ nhịp nhàng ư nhị nhịp theo thơ/ Tôi cắn vào trái bổ vỏ xanh mơ/ Tìm chất quý thơm tinh mùi khoái lạc/ Bằng hơi mộng, trong hàm răng, tản mác/ Mộng?/ Thiên tài?/ Trên hỗn độn khoả thân" (*Duy tân*). Chỉ cần nhìn vào các dấu câu, ta đã thấy một trật tự không

bình thường của ngôn ngữ. Chính điều này được Bích Khê xem là "điệu mới", và lối sắp xếp từ, câu được ông gọi là "kiến trúc". Lời thơ đẹp bởi được tạo ra từ "kiến trúc" đẹp và "điệu mới". Lối kiến trúc ấy tựa như "hạt châu trong" ngập "tràn âm hưởng" tựa nắng thu dưới bầu trời xanh. Các câu thơ đan cài vào nhau, mỗi dòng thơ không còn là một câu thơ mà được cắt ra rồi ghép vào với dòng thơ sau, cứ thế tạo thành một chuỗi câu thơ khác. Vì thế người đọc không thể chọn một vài dòng trích đọc hoặc trích dẫn mà phải chọn cả đoạn, thậm chí cả bài thì mới dừng lại được. Đây là loại hình câu thơ mà trong đó các quy tắc ngữ pháp bị phá vỡ theo ý chủ quan của tác giả. Câu thơ xuống dòng có chức năng làm cắt đứt mạch thơ và chuyển câu thơ vào trường tư duy khác.

Ngôn ngữ ngẫu nhiên, phi tuyến tính còn biểu hiện ở những câu thơ bắc cầu. Câu thơ bắc cầu thể hiện tính phong phú, đa dạng của trường liên tưởng và tư duy thơ Bích Khê. Thi nhân đã tạo ra dấu ấn riêng với hàng loạt câu thơ bắc cầu. Đó là kiểu bắc cầu để hai từ liền nhau trong một câu tự rớt một từ xuống câu sau: "Buồn và xanh trời (tôi trôi với bờ)/ biếc - khóc với thu; lời úa ngô/ vàng… Khi cách biệt giữa hồn xây mộ/ tình hôm qua - dài hôm nay thương nhớ/ im lặng nhìn bông ý, lặng lờ lên/ những dáng hình thanh khí… Giữa mông mênh…" (*Duy tân*), hoặc bắc cầu bằng cách lặp lại những từ cuối câu trên bắc xuống đầu câu dưới: "Hoàng hôn ồ bên cồn/ Bên cồn ô cô thôn/ Cô thôn ô trúc vàng/ Trúc vàng điểm riêng thu...". Câu thơ bắc cầu sẽ tạo ra những ý thơ mới lạ, gây được khoái cảm thẩm mỹ trong lòng người đọc. Hơn thế nữa, nhờ câu thơ bắc cầu, Bích Khê đã xây dựng thành công những biểu tượng sinh động, những bức tranh về cuộc sống hấp dẫn, vừa cụ thể, vừa khái quát. Trong thơ Bích Khê, nhiều câu thơ gần như mờ nghĩa, phi lý tính, hay nói cách khác, không thể đưa lý trí ra để giải thích cho rõ ràng, để tìm ra cái nghĩa hiểu theo một cách thực dụng [7, tr.18]. Điều này khiến thơ tượng trưng Bích Khê dù đã ra đời cách đây trên 80 năm song lại rất gần với lối thơ tân hình thức đang phổ biến hiện nay. Đây cũng là thủ pháp nghệ thuật mà những người theo chủ nghĩa tượng trưng khai thác triệt để.

Ngôn ngữ ngẫu nhiên, phi tuyến tính trong thơ Bích Khê còn được biểu hiện ở cấu trúc gián đoạn giữa các câu thơ. *Tỳ bà* là một trong những bài thơ đầu tiên của Việt Nam có cấu trúc gián đoạn. Bích Khê dán những chữ không liên lạc gì với nhau, "dán" những câu không liên lạc với nhau lại, để tạo ra những hình ảnh tuyệt vời, hoàn toàn siêu thực [20]: "Nàng ơi! Tay đêm đang giăng mền/ Trăng đan qua cành muôn tay êm/ Mây nhung phơi màu thu trên trời/ Sương lam phơi màu thu muôn nơi/ Cây đàn yêu đương làm bằng thơ/ Dây đàn yêu đương run trong mơ/ Hồn về trên môi kêu: em ơi/ Thuyền hồn không đi lên chơi vơi" (*Tỳ bà*). Những từ không liên lạc với nhau được kết hợp với nhau tạo nên một trường liên tưởng đứt đoạn: "tay - đêm, giăng - mền, trăng - đan, mây - nhung, thuyền - hồn"... Bích Khê là nhà thơ tiên phong, đã đi trước thời đại, thể hiện sự đứt đoạn trong không gian và trong tâm hồn. Sự đứt đoạn của đời sống là một trong những khám phá của nghệ thuật hiện đại trong toàn bộ thơ, văn, nhạc, hoạ, từ đầu thế kỷ XX. Bởi mỗi ý nghĩ của chúng ta là

một đứt đoạn, mỗi hình ảnh chúng ta nhìn thấy trong đời sống là một đứt đoạn.

Ngôn ngữ phi tuyến tính còn biểu hiện ở việc đảo lộn trật tự từ ngữ, cú pháp, tiết tấu. Từ đó, làm xuất hiện những từ mới, nghĩa mới không có trong từ điển và ẩn chứa một nguồn năng lượng siêu việt có khả năng đánh thức đồng thời mọi giác quan, đưa người đọc vào vùng siêu cảm: "Ôi sắc đẹp! anh hoa dồn vũ trụ!/ Phẩm tràng sinh! tinh chất khí âm dương!/ Mi làm long phím lòng muôn trinh nữ/ Muôn tài hoa nghiêng trước vẻ thiên hương" (*Đồ mi hoa*); "Tôi cắn vào trái bổ vỏ xanh mơ/ Tìm chất quý thơm tinh mùi khoái lạc/ Bằng hơi mộng, trong hàm răng, tản mác/ Mộng?/ Thiên tài?/ Trên hỗn độn khỏa thân/ Đẹp tỉ mỉ, hỡi rung động truyền thần" (*Duy tân*)... Vô thức có tác động đặc biệt đến tác phẩm về ý tưởng nghệ thuật mà đôi khi chính tác giả cũng cần phải có thời gian nhận thức mới biết được. Vì vậy, thơ tượng trưng đề cao cõi vô thức trong sáng tác. Nhiều câu thơ của Bích Khê thể hiện điểm nhìn từ cõi vô thức, điều này cũng khá giống với trường hợp của Hàn Mặc Tử: nhiều câu thơ của thi sĩ họ Hàn được ghi lại trong trạng thái hỗn loạn đau đớn mà không ai lý giải được. Đó cũng là cơ sở để nhiều nhà nghiên cứu coi Hàn Mặc Tử và Bích Khê là những nhà thơ tượng trưng xuất sắc nhất của phong trào thơ Mới.

5. Kết luận

Cũng giống như Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Xuân Sanh, Đinh Hùng... Bích Khê chịu nhiều ảnh hưởng của thơ tượng trưng Pháp mà Baudelaire, Marlarmé, Verlaine, Banville được coi là những người thầy khai sáng. Tuy nhiên, ngôn ngữ của thơ tượng trưng Bích Khê cũng có những đặc thù riêng so với các nhà thơ Mới cùng thời. Bích Khê đã tạo ra thế giới thơ tượng trưng đầy âm thanh, mùi hương, nhục cảm, ảo mộng và trừu tượng. Đặc biệt là những bài thơ, những câu thơ toàn thanh bằng của ông đã đem đến những luồng gió mới cho thơ ca Việt Nam giai đoạn 1930-1945. Những nhận xét có phần dè dặt của Hoài Thanh, Chế Lan Viên... về Bích Khê cho thấy sự bí ẩn, đa chiều trong thế giới thơ tượng trưng của ông. Do đó, việc tiếp tục đi tìm, giải mã thơ tượng trưng Bích Khê vẫn là hành trình thú vị với giới nghiên cứu và những người yêu thơ.

Tài liệu tham khảo

[1] Lại Nguyên Ân (biên soạn) (2003), *150 thuật ngữ văn học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

[2] Huy Cận, Hà Minh Đức (chủ biên), (1993), *Nhìn lại một cuộc cách mạng trong thi ca*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[3] Phan Cự Đệ (1982), *Phong trào thơ Mới (1932-1945*), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[4] Nguyễn Đăng Điệp (2014), *Thơ Việt Nam hiện đại - Tiến trình và hiện tượng*, Nxb Văn học, Hà Nội.

[5] Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên), (1999), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

[6] Nguyễn Hữu Hiếu (2004), *Những biểu hiện của khuynh hướng tượng trưng trong Thơ mới 1932-1945*, Luận án tiến sĩ, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

[7] Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Quảng Ngãi (2016), *Bích Khê một trăm năm,* Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.

[8] Hoàng Thị Huế (2006), "Bích Khê và cách đánh giá của Hoài Thanh", Tạp chí *Nghiên cứu Văn học,* số 4.

[9] Đinh Hùng (2018), *Ngày đó có em,* Nxb Văn học, Hà Nội.

[10] Bích Khê (1997), *Tinh hoa*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.

[11] Bích Khê (2015), *Tinh huyết*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.

[12] Thuỵ Khuê (2019), *Cấu trúc thơ*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.

[13] Nhiều tác giả (2005), *70 năm đọc thơ Bích Khê*, Nxb Văn học, Hà Nội.

[14] Chu Lê Phương (2018), *Trường thơ Loạn trong tiến trình thơ Mới*, Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội.

[15] Hoài Thanh, Hoài Chân (2005), *Thi nhân Việt Nam*, Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội.

[16] Đỗ Lai Thuý (1992), *Con mắt thơ*, Nxb Đời nay, Hà Nội.

[17] Phạm Thị Như Thúy (2016), "Thế giới tượng trưng trong thơ Bích Khê", http://vanvn.net/chan-dung-van/the-gioi-tuong-trung-trong-tho-bich-khe-/921, truy cập ngày 16 tháng 5 năm 2020.

[18] Lê Đình Kỵ (2005), "Bích Khê - Truyền thống và cách tân", https://thanhnien.vn/thoi-su/bich-khe-truyen-thong-va-cach-tan-493477.html, truy cập ngày 12 tháng 5 năm 2020.

[19] Thụy Khuê (2010), "Bích Khê (1916-1946)", http://thuykhue.free.fr/stt/b/BichKhe3.html, truy cập ngày 14 tháng 5 năm 2020.

[20] Thụy Khuê (2009), "Ảnh hưởng thơ Pháp trong Thơ Mới và thơ Bích Khê, Hàn Mặc Tử", http://www1.rfi.fr/actuvi/articles/109/article_2244.asp, truy cập ngày 17 tháng 5 năm 2020.

[21] Thụy Khuê (2010), "Nhạc và họa trong thơ Bích Khê", http://thuykhue.free.fr/stt/b/BichKhe2.html, truy cập ngày 12 tháng 5 năm 2020.